TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Nguyễn Thị Ái Liên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân (TAND) huyện S, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11-4-2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-8-2023; Quyết định thay đổi hội thẩm số 04/2023/QĐ-TA ngày 09-8-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15-8-2023 của TAND huyện S giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Hồng Bảo T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường Mẫu giáo E, huyện S. Có mặt.

Bị đơn*: Anh **Trần Quang Vũ, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu: Khu phố 3, thị trấn Hai Riêng, huyện S, tỉnh P. Thường trú: Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Nghề nghiệp: Lái xe. Vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào

ngày 27 tháng 10 năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh V thường xuyên gây chuyện, tạo cớ để mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trước đây, chị T đã gởi đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng vì thương con, chị T đã rút đơn để đoàn tụ gia đình. Nhưng sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh V vẫn tính nào tật ấy, không thay đổi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, chị T và con trai phải bỏ nhà đến Buôn D, xã E, huyện S sống với em gái ruột (tạm trú tại nhà Nguyễn Hồng Sơn Th) và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa cho ly hôn anh V.

* Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh V có 01 con chung, tên Trần Thiên P, sinh ngày 04-8-2011; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị T xin được tiếp tục nuôi con chung, không cần anh V cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại con chung đang sống với chị T và có bản tự khai của con và có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì con sẽ ở với mẹ.

* Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn: Anh Trần Quang V đã có bản tự khai trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, về con và về tài sản thống nhất như chị T trình bày. Do thời gian gần đây, công việc làm ăn của anh V không thuận lợi và tính tình hơi nóng nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xô xác. Anh V biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi, mong muốn được tiếp tục chăm lo vợ con, mong chị T bỏ qua, không đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V, chị T không yêu cầu thẩm tra xác minh chứng cứ, tài liệu khác. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh. Tuy nhiên, để bảo đảm việc xác thực tình trạng hôn nhân, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn, cho thấy những năm gần đây chị T và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng không thể thể tiếp tục duy trì xây dựng hạnh phúc gia đình.

TAND huyện S đã tiến hành hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh V, tiếp tục xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con và về tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt đến lần thứ hai, mặc dù đã được tống đạt tất cả các văn bản triệu tập đương sự và niêm yết hợp lệ các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), nhưng anh V vẫn không đến tòa án, xem như tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về tài sản: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh V đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 27-10-2010 nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và có một con chung hiện đang ở với mẹ, chị T chấp nhận nuôi con không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, về tài sản thì chị T, anh V không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh V không có mặt, xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thu, cho chị T ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 04-8-2011; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị T xin được nuôi con chung, không cần anh V cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại con đang sinh sống với chị T và có bản tự khai, có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn con sẽ ở với mẹ, là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Hồng Bảo T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị T và anh Trần Quang V; đăng ký hộ khẩu: Khu phố 3, thị trấn Hai Riêng, huyện S, tỉnh P, thường trú: Khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND huyện S, tỉnh P đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 27-10-2010. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn duy trì xây dựng hạnh phúc gia đình, nên chị T xin ly hôn với anh V.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh V không đồng ý ly hôn, nhưng

không đưa chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh việc anh V còn thương yêu vợ con và có trách nhiệm chăm lo hạnh phúc gia đình. Tòa triệu tập để tham gia tố tụng đến lần thứ hai, anh V biết nhưng không đến phiên tòa là xem như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Riêng chị T chứng minh, việc mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng thường xuyên diễn ra trong gia đình nếu tiếp tục chung sống phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con chung. Hiện tại, chị T và anh V đã sống ly thân, chị T và con đã ra ở riêng (tạm trú tại nhà Nguyễn Hồng Sơn Th (Buôn D, xã E, huyện S)) từ tháng 01 năm 2023 đến nay, có biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương cung cấp. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thu.

[3] Về con chung: Chị T và anh V thừa nhận có một con chung, xét điều kiện hiện tại con chung đang sống với chị T, kinh tế thu nhập ổn định phù hợp với ý chí tự nguyện của chị T và của con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với ý chí nguyện vọng của con. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. HĐXX chấp nhận chị T nuôi một con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 04-8-2011; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu phân chia tài sản, nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng Bảo T. Cho chị Nguyễn Hồng Bảo T ly hôn anh Trần Quang V.

2. Về con chung: Chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 04-8-2011; giới tính: Nam.

** Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu, vì vậy anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Chị Thu, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Bảo T phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001417 ngày 11-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh P. Vì vậy, về án phí chị T đã thi hành xong.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh P;
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha